

KINH A-SOA-MẠT BỒ-TÁT

QUYỂN 3

Đức Phật bảo Bồ-tát A-soa-mạt:

–Hôm nay nhân giả có thể che chở cho chúng sinh không?

A-soa-mạt thưa:

–Vâng theo Thánh chỉ của Phật, con có đủ sức đảm nhiệm công việc ấy.

Bồ-tát A-soa-mạt liền nhập Tam-muội, tức thời các hình sắc nơi thân tướng, các thứ hoa hương, dù lọng, cờ phướn, các vật dụng cúng dường đều nhập vào rốn, nhưng thân của Bồ-tát vẫn không thêm bớt.

Khi ấy, có một Bồ-tát hiệu là Đại Tịnh hỏi Bồ-tát A-soa-mạt:

–Tam-muội Hiền giả đã nhập tên là gì mà có sự biến hóa hiển hiện và khả năng thâu nhận tất cả hình sắc nơi thân, các hoa hương, dù lọng... nhưng thân vẫn như cũ không thêm, không bớt.

Bồ-tát A-soa-mạt đáp:

–Tam-muội ấy gọi là Phổ thọ sắc thân.

Bồ-tát Đại Tịnh lại hỏi:

–Tam-muội này có thể thâu giữ những thứ như vậy hay còn thâu nhận những gì khác nữa chăng?

Bồ-tát A-soa-mạt đáp:

–Những cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới đều có thể nhập trọn vẹn vào thân ấy. Vì sao? Vì do thần lực nên không hề có sự tăng giảm.

Lúc này, chư vị trong chúng hội gồm các hàng Trời, Người, Bồ-tát, Thanh văn đều suy nghĩ, giống như người khát nước lâu ngày muốn được uống, hết thấy đều mong được thấy thần thông biến hóa của Bồ-tát.

Đức Phật biết tâm niệm của chúng hội bèn bảo Bồ-tát A-soa-mạt:

–Nên vì tất cả mọi người mà hiện Tam-muội ấy.

Bồ-tát A-soa-mạt liền vâng theo lời dạy của Phật. Ngay lúc ấy, Đức Phật, chư vị Bồ-tát và chúng Tăng có mặt nơi pháp hội, đến từ

khắp mười phương đều thấy mình an tọa trong rốn của Bồ-tát A-soa-mạt với rốn ấy đã hiện ra cõi nước tên là Phổ trang nghiêm, y phục của các Bồ-tát ở đây giống như y phục của các bậc Đại sĩ nơi cõi Phổ trang nghiêm kia, tất cả đều hiện rõ trong rốn của Bồ-tát A-soa-mạt với những biến hóa lồng lộng ít có. Hiện biến hóa xong, chúng hội liền trở lại như cũ. Bồ-tát Đại Tịnh bảo Bồ-tát A-soa-mạt:

–Đức lớn siêu việt của Tam-muội này thật là thù thắng, rực rỡ.

Bồ-tát A-soa-mạt đáp:

–Lời khen ngợi ấy vẫn chưa đủ. Vì sao? Vì bao thứ đất, núi, khe trong tam thiên thế giới thu vào thân ta chỉ là việc nhỏ. Hoặc có thể thu tóm số lượng các quốc độ nhiều như cát sông Hằng mà chẳng bị dồn nén, hưởng gì là những thứ khác.

Khi Bồ-tát giảng nói về thần thông của phẩm Nhẫn nhục thì bảy mươi triệu vị thiện nhân phát tâm Bồ-đề, một vạn hai ngàn Bồ-tát đều chứng pháp Nhẫn vô sinh.

Hiền giả Xá-lợi-phất thưa Bồ-tát A-soa-mạt:

–Nguyện xin được nghe pháp tinh tấn không cùng tận của Bồ-tát.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

Bồ-tát có tám pháp tinh tấn không cùng tận. Những gì là tám?

1. Mặc áo giáp công đức sâu dày với thệ nguyện rộng lớn, đó là tinh tấn không cùng tận.

2. Tích tập mọi tinh tấn không thoái chuyển.

3. Chuyên cần tu học, nuôi lớn tất cả các thứ công đức.

4. Hộ trì, giáo hóa hết thảy chúng sinh.

5. Tạo dựng vô số nguồn an lạc.

6. Tâm luôn mong cầu các pháp Ba-la-mật.

7. Hiểu rõ trí tuệ vô tận.

8. Nhằm đạt được đầy đủ giáo pháp của Phật, không cùng tận.

Đó là tám pháp tinh tấn không cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Sở dĩ mặc áo giáp, với thệ nguyện rộng lớn vì không cho sinh tử là cực khổ. Vì sao? Vì không tính kể phải trải qua bao nhiêu kiếp số để thành tựu Phật đạo, cũng không nhớ là có bao nhiêu kiếp đã hành hóa pháp Bồ-tát. Sở dĩ gọi là thệ nguyện rộng lớn, vì không giới hạn nơi số kiếp lâu dài. Bồ-tát luôn lấy chúng sinh làm gốc. Theo thế gian bắt đầu

tính số từ một ngày đến mười lăm ngày, hoặc ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Như vậy dần đến mười vạn năm, hoặc một trăm, một ngàn vạn năm mà phát tâm Bồ-đề, cầu đạo vô thượng hoặc đến bao nhiêu số kiếp mới gặp một vị Phật. Số năm như vậy so sánh với số cát sông Hằng. Bồ-tát mới phát tâm cùng với tất cả chúng sinh, mỗi mỗi đều phát tâm rộng lớn. Các vị Bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng cũng lại như thế. Tất cả chúng sinh vô số không thể tính kể cũng đều phát tâm. Đối tượng được nhận biết của tâm ý mới chỉ là một việc, còn những gì tâm ý chưa biết thì không thể kể hết. Cũng như sự cúng dường các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng, sau đó mới thực hành đầy đủ được pháp Bố thí ba-la-mật. Các pháp trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cũng lại như vậy. Bồ-tát nghe những pháp này mà tâm không biếng trễ, không xả bỏ áo giáp công đức rộng lớn, với thệ nguyện sâu dày. Số người nhiều như cát sông Hằng đều phát tâm Bồ-đề, tập hợp tất cả công đức của những vị ấy mới có thể tạo đủ một tướng của bậc Đại nhân. Tất cả như vậy đều nhờ vào công đức từ trước mới tạo hoàn toàn đầy đủ các tướng của bậc Đại nhân. Bậc Đại nhân chính là Bồ-tát. Bồ-tát nghe những điều như thế mà không cho là mệt mỏi. Vì sao? Vì chưa từng từ bỏ áo giáp với thệ nguyện rộng lớn. Đó là Bồ-tát mặc áo giáp tinh tấn với thệ rộng lớn không cùng tận.

Sao gọi là tăng trưởng tinh tấn không cùng tận? Nếu có Bồ-tát siêng năng muốn nghe pháp chẳng kể gần, xa, chẳng ngại nước lửa hung dữ. Vì sao? Vì Bồ-tát không hề biếng nhác, mỗi một. Bồ-tát tích lũy các công đức không thoái chuyển, hội nhập, hỗ trợ để chúng phát triển. Vì sao phải hội nhập? Vì muốn chỉ bày cho chúng sinh, khiến họ được độ thoát, vào Niết-bàn. Muốn vào cõi giải thoát tức không do biếng nhác, kiêu mạn, mà phải có tâm bền vững, không xoay chuyển, luôn cầu công đức chẳng biết mỗi một, thường an trú nơi tâm đại Bi, nên gọi là hội nhập. Bồ-tát, đến tất cả việc đi, đứng, ngồi, nằm cũng không quên tâm đạo, như trong khoảng một niệm luôn nghĩ đến giáo pháp của Phật, hộ trì cho tất cả mà chẳng phiền muộn nên gọi là tích tập không cùng tận.

Thế nào gọi là nuôi lớn tất cả pháp tinh tấn không cùng tận? Tạo lập các công đức, chí nguyện vững bền với trí tuệ thông suốt nên gọi là vô tận. Giống như các loài rồng phun mưa xuống biển cả, không thể tính được số giọt nước là bao nhiêu nên gọi là vô tận. Vô số công đức của các bậc trí tuệ thần thông cũng không cùng tận.

Sao gọi là tạo dựng vô số công đức? Chở dựng tâm tạo tác là vì tất cả chúng sinh nên thường giữ tâm ý bình đẳng. Tạo lập công đức không xa lìa trí tuệ thông tỏ, đã tu phước đức đều mong muốn cho chúng sinh cùng được hưởng ân đức ấy, nên gọi là tạo lập vô số công đức. Thế nào gọi là tâm mong cầu pháp vượt bờ? Chúng sinh nơi bốn châu thiên hạ cũng không cùng tận, chẳng thể tính để lãnh hội về số lượng ấy. Một lần giáo hóa dù đủ hết thấy các loài chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, số lượng như vậy, dùng hình tượng so sánh cũng không thể diễn tả. Số chúng sinh trong a-tăng-kỳ kiếp đều được mở bày, dẫn dắt, cũng không có hạn lượng. Gấp trăm, ngàn, vạn, ức, trăm ức, vạn lần chẳng thể kể ra để ví dụ. Số người được giáo hóa, độ thoát như thế là vẫn còn quá ít. Bồ-tát nghe vậy mà chẳng lo sợ, là thích hợp với tinh tấn. Đó là tạo lập vô số công đức không cùng tận. Sao gọi là trí tuệ thấu rõ không cùng tận? Vì công đức của Bồ-tát là vô tận. Như vậy tính kể tất cả trí tuệ mà chúng sinh dùng để tạo lập công đức mới hội nhập vào hàng Dự lưu, Thất lai, Bất hoàn, Vô sinh (A-la-hán) và Duyên giác. Tập hợp các công đức ấy mới thành tựu được một phần nhỏ công đức của chư Phật. Kết hợp những công đức kể trên cùng với vô số công đức uy nghi nơi muôn ngàn lỗ chân lông trên thân Phật mới có thể thành tựu được tướng lông trắng giữa chạng mây. Nếu phước của tướng lông trắng giữa chạng mây ấy gấp ngàn lần mới thành Vô kiến đánh tướng của chư Phật. Vì sao? Vì hàng trời, người đều không thể nhìn thấy Đánh tướng của Đức Phật, do đó, nên nói phước đức trí tuệ không thể cùng tận. Lại nữa, sao gọi là trí tuệ không cùng tận? Giả sử chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới hết lòng tin Phật, lòng tin ấy gấp trăm lần thì mới sánh bằng công đức của người phụng tín. Giả sử những người phụng tín đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, trí đó gấp trăm lần cũng không bằng người đạt đủ tám bậc. Nếu người đạt đủ tám bậc đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, trí ấy gấp trăm lần cũng không bằng bậc Dự lưu. Nếu số người đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới đều dốc cầu quả Dự lưu, Thất lai, Bất hoàn và Vô trước (A-la-hán), trí tuệ của các bậc ấy gấp trăm lần cũng không bằng trí tuệ của một Duyên giác. Nếu bậc Duyên giác đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, trí tuệ của những vị ấy cũng không bằng trí tuệ của một Bồ-tát mới phát tâm. Giả sử Bồ-tát mới phát tâm đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, trí tuệ của những vị ấy gấp trăm lần cũng không sánh bằng bậc Bất thoái chuyển. Giả sử

các chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành tựu bậc Bồ-tát Bất thoái chuyển, trí tuệ của các vị ấy gấp trăm lần cũng không bằng trí tuệ của một Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ. Giả sử có Bồ-tát Nhất sinh đầy khắp bồ xứ trong tam thiên đại thiên thế giới, trí tuệ của các vị ấy gấp trăm lần cũng không sánh bằng trí tuệ của một Đức Như Lai với mười Lực, Vô sở úy, hội nhập vào chánh pháp giáo hóa của chư Phật. Vì sao? Vì tất cả trí tuệ ấy đều hội nhập vào tâm ý của Phật.

Bồ-tát nghe như vậy mà không lo, không sợ, không ngại gian khổ, đó gọi là tích tập trí tuệ không cùng tận. Vì sao gọi là tích tập trí tuệ không cùng tận? Là do hiểu được tâm nơi tất cả chúng sinh. Giả sử tâm của chúng sinh trong quá khứ nhớ nghĩ không hạn lượng, khiến họ đều phát khởi tâm cầu đạo. Nếu một người hiểu rõ tất thông suốt tâm nhớ nghĩ của chúng sinh trong quá khứ nên đối với các chúng sinh khác cũng giống như người này. Theo đó mà so sánh như vậy thì không thể tính kể. Nhưng chúng sinh đều bị che lấp do tham, sân, si. Lại có người ở trong chốn lầy lội của tham, sân, si bị các thứ phiền não làm cho tán loạn, hoang mang. Bồ-tát phát tâm thường dùng trí tuệ để biết được tham, sân, si của chúng sinh. Đó là trí tuệ sáng suốt của bậc Thánh. Nếu chúng sinh biết được mình phát khởi nhân thiện, ác thì có thể khiến cho nhân duyên ấy tiêu diệt. Người có trí tuệ như vậy, tuy ở trong chốn kia nhưng tâm không bị phiền nhiễu mà luôn tĩnh lặng như hư không. Bậc Thánh tuệ như thế là hiểu rõ được chúng sinh trong ba đời, không nơi nào là không thông đạt. Vì sao gọi là tất cả pháp của Phật không cùng tận? Đây đủ tất cả sáu pháp Ba-la-mật, để cầu đạt pháp của chư Phật. Nếu có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã tu tập hợp đủ các phương tiện, sau đó mới đến an tọa bên cội Bồ-đề, dốc sức tu tập các công đức không thể tính kể, đạt đầy đủ cả thì thành tựu pháp Phật, gọi là Bồ-tát đầy đủ pháp Phật không cùng tận.

Lại có Bồ-tát tích tập tinh tấn cũng không cùng tận, tạo lập các công đức nơi thân chẳng cho là khó khăn giảng thuyết về công năng cũng không hề mệt mỏi. Tâm ý tinh tấn tu tập ba việc: thân, miệng, ý thì ý đứng đầu. Sao gọi là ý tinh tấn? Vì ý đó luôn an nhiên. Sao gọi là an nhiên? Vì dốc cầu Phật đạo. Sao gọi là cầu Phật đạo? Vì tâm ấy rộng lớn, vắng lặng, không có đối tượng tạo tác. Sao gọi là phát ý? Vì phát ý là phát tâm đạo. Đây là tâm đại Bi của Bồ-tát. Thế nào là địa của Bồ-tát? Tin tưởng, ưa thích pháp vô ngã là nhĩn. Vì sao phát khởi điều này? Vì để thấu tóm hóa độ toàn bộ tất cả chúng sinh. Vì sao gọi là xứ? Do đầy đủ các pháp, không cho sinh tử là cực khổ, phát khởi

điều này là không chấp vào ba cõi. Người phát khởi như thế thì không còn luyến tiếc thân mạng. Lại, xứ đó là đối tượng có thể bố thí, không tự khen ngợi mình cho là đủ các đức hạnh, không lấy việc giữ giới để tự ca ngợi mình với tâm tự cao, tự đại. Lại, xứ đó là nhấn nơi các khổ não không cho là nghiệp luôn kiêu mạn. Chỗ gọi là xứ tức đạt được công đức, ngày một tăng thêm vô lượng, vô biên. Gọi là xứ, tức chí nguyện độ thoát không lìa bố thí luôn chế ngự tâm ý. Gọi là xứ, là sự học hỏi không mệt mỏi, theo như pháp mà tu tập. Gọi là xứ tức như nghĩa đã lãnh hội, phụng hành không thay đổi, không sai khác. Gọi là xứ tức tu tập, tư duy về pháp không cùng tận, dùng mọi phương tiện quyền xảo, chẳng nề gian khó, thuyết pháp mà không mong cầu đáp đền, hành trì đọc tụng, nghĩ xét hiểu rõ về chỗ hướng tới nghĩa lý ấy, không chán nản mà bỏ dở, tu học hoàn toàn không mang tưởng được báo đáp. Có bốn việc là chỗ tu hành của Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát luôn phát tâm với Từ, Bi, Hỷ, Xả. Lại, xứ đó là nơi quán xét theo tâm đại Bi rộng khắp. Lại, xứ ấy nương vào duyên mà đạt đầy đủ năm thông, tu tập không còn sinh tử. Lại nữa, xứ ấy được bốn Chánh cần thuận hợp với giáo pháp, không có đối tượng nghĩ và cũng chẳng nghĩ về nó. Xứ này là biết về bốn Niệm xứ, không rời bỏ việc tu tập công đức, cũng không hạn chế nơi người không có phước đức. Vì sao? Vì người tu hạnh trung đạo. Lại, xứ ấy là tu tập các thần túc như giáo pháp Phật, không mong cầu, tu học các công đức lành, các căn không loạn động, không hạn lượng, các thứ phi pháp không nên phân biệt. Lại, xứ ấy là mười Lực, không gì có thể hơn, tâm mong cầu đạt trí của Phật. Lại, xứ ấy là dốc cầu sự giác ngộ của Phật, phát khởi, tạo lập các hành, hội nhập vào nghĩa nơi các pháp mà không tự đại, thành tựu bảy giác ý. Lại, xứ ấy là nhằm đạt đạo đức, không nhớ nghĩ người đến, đi, cũng không có đối tượng để suy nghĩ. Xứ ấy là mong tìm sự tôn kính, nên chí nguyện luôn vắng lặng, không loạn động. Lại, xứ ấy là nhằm quán tưởng chân thật, sáng suốt, xem xét các pháp tìm hiểu sự tồn tại của chúng. Xứ ấy là từng nghe lãnh hội rộng nên có thể tu tập, thường sống đúng như pháp, chuyên tu đức hạnh. Lại, xứ ấy là cầu đạt Pháp thân, bỏ các chấp trước, vọng tưởng của thế tục, tin hiểu về vô vi. Xứ ấy là âm thanh dùng để trang nghiêm, tùy thời phát ra thông suốt mười phương. Lại xứ ấy ưa thích về đạo hạnh, người giải thoát hoặc chưa giải thoát, đều khiến có được an vui mãi mãi. Lại, xứ ấy không thích hợp với sự sai trái, dốc giáo hóa bốn ma. Bốn ma là gì?

1. Thân ma (*Ngũ ấm ma*).
2. Tội trần ma (*Phiền não ma*).
3. Tử ma.
4. Thiên ma.

Lại, xứ ấy là xa lìa các ma, tu tập các công đức, các cấu uế đều vắng lặng, không tạp loạn. Lại, xứ ấy là trí tuệ giải thoát thấy rộng khắp, quán xét các pháp duyên khởi. Xứ đó lại thấy được các việc làm, hội nhập nơi thế tục, vận dụng đủ các phương tiện để cứu giúp chúng sinh. Xứ ấy tức thấy tất cả đạo pháp, tùy thời giáo hóa. Đó là ý tinh tấn không cùng tận. Nếu người có đầy đủ các xứ này thì nhất định không có các hoạn nạn, hiểu rõ các việc làm, không dùng vọng tưởng để trụ nơi trí tuệ, nẻo thực hành trí tuệ cũng chẳng xoay chuyển, tất cả các việc làm đều không xa lìa trí tuệ. Vì sao Bồ-tát hành động mà không xa lìa trí tuệ? Vì công đức đã làm đều do nơi pháp đó, thường vì chúng sinh phát khởi lòng từ vô tận. Lòng từ ấy không bỏ thế gian, nhân vào trí tuệ của Phật đạo mà chẳng tùy thuộc vào vô vi. Đó gọi là tinh tấn vô tận của Bồ-tát.

Khi giảng thuyết pháp tinh tấn không cùng tận này, có chín mươi sáu na-do-tha hàng trời, người đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ba vạn hai ngàn Thiên tử đều chứng pháp Nhẫn vô sinh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát A-soa-mạt:

–Há lại có nghĩa bố thí vượt bờ không cùng tận?

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Dùng mười sáu việc không cùng tận, các hàng Thanh văn, Duyên giác không sánh bằng. Những gì là mười sáu?

1. Bố thí không mang tâm dị biệt, đều đầy đủ pháp bố thí của Như Lai.
2. Bố thí không khởi niệm: ta nhờ sự bố thí đó mà được phước báo.
3. Bố thí với tâm thể hiện tình thương khắp chúng sinh không khác.
4. Bố thí không khởi niệm mong cầu đạt pháp Tam-muội. Vì sao? Vì không cầu các pháp định nơi cõi trời. Vì không muốn sinh vào cõi Tịnh cư thiên mà luôn gắn bó với thế gian.
5. Bố thí đều có thể nhận biết được mọi nẻo hành nơi tâm của chúng sinh.

6. Bồ thí với tâm ý được thanh tịnh. Vì sao? Vì bồ thí với tâm thanh tịnh là nhằm khiến cho thân tâm người nhận luôn thuận hợp.

7. Bồ thí đúng như tâm ý của người nhận. Vì sao? Vì công đức ấy vượt hơn chư Thiên cõi Sắc, cõi Vô sắc.

8. Bồ thí thích hợp với sự tĩnh lặng an nhiên. Vì sao? Vì vượt hơn hàng Thanh văn, Duyên giác.

9. Bồ thí với tâm không giận dữ. Vì sao? Vì nhằm đạt được mọi thành tựu.

10. Bồ thí với uy lực lớn lao không gì có thể cản trở.

11. Dùng trí tuệ bồ thí khắp cho chúng sinh, khiến tất cả trụ trong các Độ.

12. Người cho và người nhận đều được vui vẻ, tâm người bồ thí thường an ổn. Vì sao? Vì tâm luôn được chế ngự.

13. Bồ thí khiến cho Tam bảo luôn được nối tiếp. Vì sao? Vì không làm mất chủng tánh của Như Lai.

14. Bồ thí luôn sáng suốt, không do dự, không mê lầm.

15. Bồ thí luôn thực hiện đúng như giáo pháp. Vì sao? Vì luôn thuận hợp với nghĩa lý.

16. Bồ thí với nhận thức luôn đầy đủ để tạo nên căn bản của trí tuệ, vì khiến cho trí tuệ trở nên rộng lớn vô cùng, vô tận.

Đó là mười sáu sự việc để thực hiện pháp Bồ thí ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Thế nào là thiên định tịch tĩnh? Thế nào là thần thông gồm đủ trí tuệ? Thế nào là trí tuệ thấy được các sắc, chẳng phải thần thông? Thấy các sắc diệt tận, ý ấy không tùy theo chỗ thấy gọi là thần thông. Vì sao? Vì không nửa chừng chọn lấy sự chứng đắc. Về chỗ lãnh hội ấy đều chẳng phải là thần thông. Các âm thanh có thể có đều không đạt đến, gọi là thần thông. Có thể thấu tỏ về nẻo hành nơi tâm của chúng sinh, đó không phải là thần thông. Tâm, ngoài trí ấy ra, chẳng thể đem hết sức để tạo mọi sự chứng đắc. Vì sao? Vì không muốn giữ lấy quả vị A-la-hán. Đây gọi là thần thông. Tự nhận biết về gốc, nhân đó mà phát sinh, chẳng phải là thần thông. Ba đời thông tỏ không bị trở ngại gọi là thần thông. Hiện bày khắp các quốc độ không phải là thần thông. Tuy hiện khắp các quốc độ mà hiểu rõ là không có tướng về quốc độ ấy gọi là thần thông. Tin hướng về các pháp thì đó chẳng phải là thần thông. Thấu tỏ tất cả gốc, ngọn của các pháp, gọi là thần thông. Tất cả nẻo

tạo tác có ý vọng tưởng thì chẳng phải là thần thông. Thấu tỏ về chỗ không mong cầu của chúng sinh, gọi là thần thông. Mong muốn được vãng sinh, hoặc vượt qua các cõi của Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương thì không phải là thần thông. Bồ-tát nhận biết về chỗ tu tập trí tuệ của các bậc Thanh văn, Duyên giác, thấy đều có thể nắm giữ toàn bộ, đó gọi là thần thông. Tạo hành đứng đầu của chúng, đứng đầu là tối thượng đối với các pháp, nhân đó gọi là công đức của trí tuệ, thần thông không cùng tận.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Nhân nơi tâm ý loạn động của chúng sinh, Bồ-tát khiến họ tu tập, điều phục, gọi là Thiền. Đối với bậc trí đều xả bỏ việc ác, đó gọi là thiền định. Lại nữa, Bồ-tát tu tập Tam-muội trụ nơi Thiền định tâm không thay đổi. Vì sao? Vì đã tu tập, an trụ nơi chánh định. Tu chánh định nên phải hành hóa với sáu pháp Độ vô cực. Các pháp chân chánh phải nên tu học, tu học các pháp là ứng dụng theo nẻo chân chánh. Tu tập hạnh Bồ-tát nên luôn có tâm bình đẳng với chúng sinh. Bình đẳng với chúng sinh nên bình đẳng với các pháp. Bình đẳng với các pháp nên biết tâm Bồ-tát. Đã biết tâm Bồ-tát thì có thể thông tỏ chí nguyện của chúng sinh. Đã biết về chí nguyện của chúng sinh rồi thì biết rõ về các pháp. Đó gọi là tu tập tâm bình đẳng rộng lớn, với muôn loài thấy đều bình đẳng với các pháp đều không phân biệt. Cùng an trụ trong các pháp gọi là Định ý, là chánh thọ, là Không, Vô tướng, Vô nguyện, nên gọi là bình đẳng với sinh tử. Bình đẳng với sinh tử nên bình đẳng với các pháp. Bình đẳng với các pháp nên tâm thanh thản, thân không lệch lạc, tâm bình đẳng với tâm chúng sinh. Bình đẳng với chúng sinh gọi là bình đẳng khắp nơi chốn. Chỗ hành ấy bình đẳng như hư không, như đất, nước, lửa, gió, không có thương ghét. Tâm đã bình đẳng thì không còn lo, mừng. Thân đã trụ nơi cõi Phật Bất huyển thì an định như Tam-muội. Tâm không dua nịnh như trụ nơi “bản tế”, không tự đại, cũng không tự ti, tự mình không tốt, không xấu ác, không nhiều lời, chỉ nhằm hiểu rõ cội nguồn nơi các pháp luôn thích hợp với mọi hoàn cảnh, không theo các nẻo cấu uế của thế gian, vượt khỏi tám việc đời: lợi, suy, chê, khen, khổ, vui, có tiếng tăm, không có tiếng tăm, lìa bỏ các pháp hữu vi, không thích chốn náo nhiệt, tùy thuận nơi pháp, không rời thiền định. Vì sao? Vì nhận biết chỗ tạo lập các hành của mọi người, tùy theo chốn hành ấy mà thực hiện Tam-muội, không gì là không biết. Đó là Bồ-tát dùng phương tiện quyền xảo, hội nhập vào trí tuệ, thiền định vượt bờ, như sử dụng Tam-muội để làm chủ tâm. Dùng tâm Bi vô

lượng làm nhân duyên. Vì sao? Vì đó là diệu dụng để độ chúng sinh. Theo nghĩa ấy, gọi là phương tiện quyền xảo. Tịch tĩnh, an nhiên là thực hiện Tam-muội. Đó là trí tuệ của bậc Thánh.

Như Tam-muội đã kiến lập, quy ngưỡng về trí tuệ của Phật, gọi là phương tiện thiện xảo, nhưng đối với các pháp hoàn toàn dứt mọi đối tượng cầu đạt nên gọi là trí tuệ. Phụng trì thiền định, dùng công đức để giữ gìn các pháp, gọi là phương tiện thiện xảo. Tâm an nhiên, Pháp thân luôn hiện hữu, gọi là trí tuệ. Dùng định Tam-muội trụ vào sự nhớ nghĩ về thân Phật với đủ các vẻ đẹp gọi là phương tiện thiện xảo. Đối với ân đức lớn luôn nhớ nghĩ về Pháp thân Phật, gọi là trí tuệ. Ở trong Tam-muội, dốc nhớ nghĩ về âm thanh của Phật như Phạm thiên, gọi là phương tiện thiện xảo. Nhớ nghĩ, biết rõ các pháp không có ngôn từ, gọi là trí tuệ. Nơi pháp Tam-muội tâm như kim cang, gọi là phương tiện thiện xảo. Tuy gắn liền với thiền định nhưng không quên các loài chúng sinh nơi thế gian, gọi là trí tuệ. Thực hành Tam-muội mà luôn nhớ nghĩ về bản nguyện gồm thâu, nhằm nuôi dưỡng tất cả, đó là nơi nơi tùy thuận phương tiện thiện xảo. Lại, tu tập thiền tư, hiểu rõ đối với chúng sinh không có tôi, ta, đó là trí tuệ. Thể hiện diệu dụng nơi Tam-muội mà không bỏ các pháp, đó gọi là phương tiện thiện xảo. Hiểu rõ các pháp là không gốc, ngọn, cũng không cội nguồn, đó là trí tuệ. Tu tập Tam-muội, xét biết các cõi Phật đều là thanh tịnh, đó là phương tiện thiện xảo. Thấu tỏ về Phật đều không thật có, gọi là trí tuệ. Ở nơi pháp Tam-muội, tư duy có cây Bồ-đề với sự tu tập trang nghiêm gọi là phương tiện thiện xảo. Thân xa lìa các dục, không còn uế trước, gọi là trí tuệ. Lại, hội nhập Tam-muội, nhớ nghĩ về chỗ chuyển pháp luân đó là phương tiện thiện xảo. Tuân theo, thực hành Thiền định mà thấy không có đối tượng được chuyển, đó là trí tuệ. Ở nơi Tam-muội, nhằm thấy Bồ-tát, dùng tướng để trang nghiêm, đó là phương tiện thiện xảo. Cứu vớt các thứ khổ, dứt mọi phiền não, gọi là Như Lai thiền. Như Lai thiền là thấu rõ các pháp, hoàn toàn không còn tham dục, không vương bận nơi các tướng về khách trần, biết các nẻo an lạc, trừ các tướng chấp về pháp, gọi là thiền tư. Đó là chỗ phát sinh trí tuệ của Bồ-tát. Những bậc Đại sĩ dùng các pháp nhất tâm cùng pháp không bị các trần chi phối, đó là Thiền định vô tận. Hàng phục các thứ ma là dốc tạo các pháp khí của bậc Giác ngộ. Vì sao? Vì chẳng gì mà không dung nạp gồm thâu.

Khi Bồ-tát giảng về pháp Thiền định độ vô cực không cùng tận,

có bốn vạn Bồ-tát chứng đắc Tam-muội Nhật minh. Thế nào gọi là định Tam-muội Nhật minh. Ví như lúc mặt trời xuất hiện thì ánh sáng của các thứ đèn đuốc, trăng sao không còn tỏa sáng nữa. Bồ-tát đã được pháp Tam-muội này thì được các bậc Thánh che chở. Vì sao? Vì trí tuệ ấy rộng lớn, soi sáng cùng khắp, nên ánh sáng trí tuệ của các hàng Thanh văn, Duyên giác đều bị che lấp, do đó gọi là Tam-muội Nhật minh. Bồ-tát đã trụ nơi Thiên định độ vô cực thì đều đạt được các định Tam-muội.

Tóm lại mà nói, nêu tên của các pháp Tam-muội gồm có Tam-muội gọi là Chiếu minh, Nguyệt quang, Trang nghiêm, Nghiêm diệu, Tu nghiêm, Vô cực huy mãnh phục, Kỳ minh tiêu minh, Như chư pháp giáo, Thành quang minh, Vô sở ưu, Lập kiên cố, Đẳng như thái sơn, Pháp minh, Pháp ngữ, Pháp quân, Pháp tuệ thuận giáo, Cầm pháp bảo, Pháp thành tổng trì ngữ, Tri nhân ý hành, Trạng anh khí chúng phiến hà, Lực chế tứ ma, Dĩ thành thập lực, Đoạn chư quái ngại, Tạo đặng quang, Kiên trụ nhược địa, Như Tu-di, Du an minh, Trí hành quang diệu, Trí bất khả kế tùy cụ giáo, Tâm giáo nhu nhuyễn, Vô sở cầu thoát, Như thủy nhật nguyệt quang, Du như Phật thân, Đẳng chư vô ngã, Điều tượng tùy giáo, Kiến đắc chư Phật niệm, Pháp ý vô ngại, Vô thoái bất chuyển, Chúng độc tiêu tịnh như nguyệt, Nhập không tịch, Hiểu chúng tướng, Vô nguyện, Trụ nhất tâm, Như kim cương, Vô cực quang mạc năng đương, Tự tại tịnh, Nội chư lao phiền tận, Quảng đại như không, Nhập nhất thiết nghiệp, Tâm tư đắc tuệ, tuệ duyệt nhân vô tận, Thành thánh tuệ, Tổng vô sở vong, Minh phổ kiến minh giai đa lạc, Từ hành, Tâm bản tịnh đại ai, Nhập chư hộ, Tâm đặng nhập vô sở ngại thoát, Pháp pháp trú, Trí minh đạt, Giải sương, Bất khả số, Sung bảo chúng, Vô bất liễu, Thoát tuệ, Tùy hóa chúng, Kim cương liên hoa, Liễu vô thường, Tôn trí tuệ, Dũng phục, Chư Phật niệm, Tùy giáo minh thoát, Nghiêm Phật độ, Khai tịch tĩnh chư quốc, Nhập chúng sinh tâm Hỷ, Chánh chân trực, Dĩ bồ-tát đạo lực độ vô cực nghiêm, Giác giải kết, Giác ý hoa, Thí thoát nhược thiên dực, Quang vô bất chu, Minh vô trú Phật, Thâm thâm diệu, Tích bảo như hải, Như sơn phương diện, Thần túc thậm quảng vô bất tổng, Kiến vô số Phật, Tổng chư học, Như đàn chỉ khoảnh vô bất tri, Trí bất khả hạn kế như đại hải. Những pháp Tam-muội như thế là rất nhiều với vô số vạn ức. Bồ-tát do an trú nơi pháp Tịch tĩnh độ vô cực để hội nhập đầy đủ các Tam-muội này.

Bồ-tát A-soa-mạt lại bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Trí tuệ độ vô cực mà không cùng tận là những gì? Đó là những điều thấy, nghe, suy nghĩ, tạo lập các hành nghiệp, nên gọi là không cùng tận. Như vậy, có tám mươi việc phải thực hành. Đó là: Thuận theo điều đã nghe, suy tìm ý nghĩa. Theo chỗ chỉ dạy mà tu tập. Thân cận bạn lành. Không tự đại. Những việc đã làm không quên mất. Thường với tâm cung kính, hành theo kinh điển. Đúng như lời nói mà làm. Luôn luôn tu tập trí tuệ. Chuyên tâm thọ trì, không giảm mất. Không vọng niệm. Ý không loạn. Khởi tâm tốt. Hiện bày chí nguyện như thuốc, trừ các bệnh, là vật dụng của tâm ý. Ưa nhẫn nhục. Suy nghĩ và ưa thích pháp chân thật. Hội nhập tuệ giác. Tu học không mệt mỏi. Bồ thí không mưu cầu gì. Bồ thí không phân biệt thân sơ. Suy ngẫm kỹ càng về những điều đã nghe. Hoan hỷ chỉ bày những điều đã tiếp nhận. Thân tâm nhẹ nhàng. Ý thường thanh tịnh nhu hòa, không sinh phiền muộn. Việc học theo đúng chỗ căn bản. Thường vui vẻ nói pháp. Nghe pháp rồi muốn hưởng về đạo. Làm người hộ trì pháp. Ưa thích chánh pháp. Không học theo các tà thuyết. Chỉ tiếp nhận trí Bát-nhã vượt bờ. Thấu đạt kinh Bồ-tát Phương Đẳng. Chỉ mến mộ, lắng nghe các kinh. Quan sát thấu rõ thần thông về không. Đúng theo niệm ban đầu không nghĩ khác. Dốc hết tâm ý đối với phương tiện chân thật. Chỉ muốn nghe pháp vô sinh. Không ham quán xét về thế gian. Chỉ ưa chuộng Từ bi. Rõ mười hai nhân duyên. Thấu tỏ về vô thường. Biết rõ về khổ. Thông suốt về vô ngã. Muốn biết về tịch tĩnh. Phân biệt về không. Hiểu vô tướng. Thể nhập vô nguyện. Hiểu đúng về sinh tử. Tỏ rõ công đức. Thấu đạt về chúng sinh. Nhận biết không quên. Trang nghiêm âm thanh. Vững như thành quách. Chuyên cần nắm giữ điều đã nghe. Thích lãnh hội các điều quý báu của kinh. Ở cõi tục biết rõ về tục. Khai mở cõi ý. Dùng làm bạn bè. Muốn lãnh hội, điều khiển các sự nghiệp. Tâm chí thường xét kỹ. Hội nhập nơi tất cả pháp. Ưa dứt trừ nghèo thiếu (gọi là nghèo thiếu tức là trí tuệ chẳng đủ). Suy niệm, hiểu biết được chánh đạo. Hiểu về kẻ vô trí, nên giáo hóa khiến đạt được trí tuệ. Rõ luôn gặp khổ, chu cấp cho người chẳng đủ. Xa lìa tất cả, tạo được hành nghiệp không dụng công. Hiểu đúng về nguồn gốc. Không làm các điều ác. Thông suốt nghĩa lợi ích nơi thân. Thành tựu mọi lợi ích cho chúng sinh. Thấu tỏ các hành an ổn. Vui vẻ không sân giận. Nhằm phân biệt đến chỗ tốt bực nơi các việc không cùng tận. Nhớ nghĩ các pháp Phật, nhân đó thành đạt đến tám mươi sự. Đó gọi là đúng như trí tuệ do nghe (văn tuệ) mà tạo lập các hành.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát có ba mươi hai việc đúng theo thời để hội nhập. Những gì là ba mươi hai? Theo tiếng vang mà hội nhập. Muốn nhập nơi thiền quán. Hội nhập vào nẻo hành của tâm. Hội nhập nẻo cầu giải thoát của thân để cứu độ chúng sinh. Hội nhập vào không đoạn, không thường. Hội nhập vào chỗ không chấp trước, tùy theo nhân duyên hội nhập vào chốn tạo tác. Hội nhập vào chỗ không nhân, không thọ, không mạng. Hội nhập vào nơi quá khứ, hiện tại, vị lai. Hội nhập nơi tạo tác các công đức. Nhập vào Không, không biếng nhác. Nhập vào Vô tướng, Vô nguyện, không bỏ sự siêng năng tu tập. Không dùng Không để thực hiện sự chứng đắc về Vô tướng, Vô nguyện. Nên giữ gìn, không bị thoái chuyển. Nhằm nhập vào Tam-muội để tu tập chính thọ thì dốc hường đến Tam-muội Chánh thọ. Do đó, nên không sinh ở cõi trời Vô sắc. Vì sao? Vì để giữ gìn bảo vệ chỗ đạt đến. Lại nhập vào nguồn gốc của các trí tuệ, thần thông nhưng chẳng đi vào con đường diệt tận. Lại nhập vào pháp Vô sinh để tế độ muôn loài, nhập nơi “bản tế” để tư duy về nghĩa ấy. Muốn vào “vô tế” mà không chấp lấy sự chứng đắc. Vì sao? Vì có sự bảo hộ. Chỗ gọi là không bảo hộ tức là hàng Thanh văn. Muốn độ chúng sinh phải hiểu rõ về ngã, ngã sở, không bỏ tâm đại Bi, vào tất cả nạn của sinh tử đáng sợ. Chỗ dốc đi vào, tuy có sinh tử mà không bị chìm trong sinh tử. Vào chỗ nhằm chán của phiền não, người vào chốn ấy vẫn không bị đọa lạc. Vì sao? Vì không ở trong ấy để đạt sự chứng đắc. Lại không nghĩ về tham dục nên vào mà không bỏ các pháp. Vào chỗ có phạm pháp mà không bị sai quấy. Hội nhập với những phương tiện quyền xảo. Vì sao? Vì nhân nơi tâm ý của chúng sinh luôn gắn bó với tham ái mà nhằm giáo hóa họ, nên phải tùy bệnh cho thuốc. Đối tượng được hóa độ của Bồ-tát đều đạt được điều này. Đó là ba mươi hai việc như đã dẫn. Vì sao? Vì luôn thuận hợp. Cũng như muốn vào thành phải từ cửa đi tới. Muốn thông suốt các duyên phải dùng mắt quán xét chúng. Người hiểu rõ về nghiệp duyên thì chẳng tranh cãi. Muốn không tranh cãi thì đừng cố chấp. Muốn biết không lời là hợp lẽ thì nhất định không chấp nơi ngôn ngữ. Vì sao? Vì không tham đắm nơi ngôn từ, là giữ gìn thân, miệng. Không muốn dừng lại chỗ này mà cũng chớ dứt nơi chỗ kia. Không ham thích nẻo loạn động, cẩn thận đừng lay chuyển. Người không mong cầu cũng không nghĩ tưởng về điều ấy, đó là bình đẳng. Vì muốn không mê mờ nơi sắc nên phải an trụ vững chắc mới đạt được định. Không thích làm cho biến chuyển nên phải tự cẩn thận. Nếu mến mộ sự tịch tĩnh để nuôi dưỡng mình thì chớ

khoe khoang, chẳng muốn hạ thấp thì chớ kiêu căng, không kiêu căng, không hạ thấp mình thì đầy đủ chánh pháp. Không vui buồn khi tổn hại thì chẳng ai trách phạt. Nếu thích an ổn thuận tiện thì việc làm không mất. Không có gì mất thì không có gì nghi ngờ. Không nghi ngờ thì hiểu rõ là không nguồn gốc, nên không có cái gì mất. Bình đẳng với ba đời không sai khác. Bình đẳng với ba đời không tăng giảm. Không trụ nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Hoàn toàn không trụ chấp nơi chỗ mắt thấy biết sắc, tai nghe biết tiếng, mũi ngửi biết hương, lưỡi nếm biết vị, thân xúc chạm biết các vật mềm, cứng..., ý nhận biết pháp, tất cả đều không chỗ trụ. Theo chỗ thanh tịnh của bản thân mà thực hành đúng như pháp, làm đúng như trí tuệ, làm đúng theo sự phán đoán chắc chắn, làm như không có tôi và ta. Thấy các pháp hành không có ngã, gọi là trí tuệ. Hiểu rõ các sở hữu đều không có, các sở hữu cũng đều không căn bản, đó là trí tuệ. Không dùng sự đẹp đẽ của thân tướng mà mang lòng tự đại, là trí tuệ. Biết ở nơi các Bồ-tát mà tu tập trí tuệ chân chánh, thông hiểu về tất cả chúng sinh, vì tất cả các loài mà tâm thường không bỏ, không lìa các pháp. Đó mới gọi là Bồ-tát tu tập trí tuệ.

